

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI DƯƠNG

NĂM 2006

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI DƯƠNG

NĂM 2006

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI DƯƠNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 13/1999/QH10 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 12 / 6 / 1999

Chúng tôi, những cổ đông sáng lập tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần công trình giao thông Hải Dương đã nhất trí thông qua nội dung bản Điều lệ này, cùng cam kết thực hiện theo Điều lệ Công ty gồm các điều khoản như sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên và địa chỉ Công ty

1- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI DƯƠNG.**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **HAIDUONG TRANSPORT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.**

Tên công ty viết tắt: **HDTTC - JSC**

2- Địa chỉ trụ sở chính: Số 61 Đường Thống Nhất - Phường Lê Thanh Nghị - Thành phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương

Điện thoại: (0320) 852.388

Fax: (0320) 852.388

Email: Chưa có

Website: Chưa có.

3- Tên địa chỉ chi nhánh: Chưa có.

Điều 2: Thời gian hoạt động của Công ty:

Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm, kể từ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Việc gia hạn hoặc rút ngắn thời gian hoạt động của Công ty căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định, loại trừ trường hợp công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bị giải thể, hoặc phá sản.

Điều 3: Tư cách pháp nhân của Công ty:

1- Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2- Công ty có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nội dung ở khoản 2 Điều 10, Điều 62 của Điều lệ này.

Điều 4: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty.

1- Tổ chức Đảng cộng sản trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và quy định của Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam.

2- Tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên, Nữ Công và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, theo Điều lệ của các tổ chức đó.

3- Công ty tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức nói tại khoản 1 và 2 của Điều này hoạt động tốt theo đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

Điều 5: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty:

1- Công ty là một pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, được mở tài khoản tại Ngân hàng và có con dấu riêng để hoạt động. Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc công ty tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của công ty; về việc sử dụng các giấy phép, giấy chứng nhận, các giấy tờ khác và con dấu của Công ty trong giao dịch; về việc góp vốn cổ phần, quản lý, sử dụng và theo dõi vốn, tài sản của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của sổ vốn được xác nhận khi thành lập và trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

2- Công ty có quyền tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kinh doanh và cam kết của mình với người lao động, với các khách hàng bằng toàn bộ số vốn và tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Năng lực tài chính của Công ty tại từng thời điểm được thể hiện sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

3- Nguyên tắc tổ chức quản trị của Công ty.

- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật;

- Cơ quan quyết định cao nhất Công ty là Đại hội đồng cổ đông;

- Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị để quản lý Công ty giữa hai nhiệm kỳ, bầu thành viên Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty;

- Quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức.

Điều 6: Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh:

1- Khi thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh, vốn điều lệ và Điều lệ, thay đổi người quản lý, người đại diện theo pháp luật của Công ty và các vấn đề khác trong nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh, thì Công ty phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện việc thay đổi. Mọi trường hợp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh nói tại khoản này mà Công ty chưa đăng ký lại với Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo quy định đều không hợp lệ và không có giá trị thi hành.

2- Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm làm đầy đủ các thủ tục để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 của điều này; nếu vi phạm mà gây thiệt hại cho Công ty thì Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân trước các cổ đông và đền bù các thiệt hại cho Công ty.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 7: Quyền của Công ty:

phb

1- Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty do các cổ đông đóng góp, có quyền quản lý, sử dụng đất đai và các nguồn lực khác được giao sử dụng để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;

2- Chủ động lựa chọn ngành, nghề kinh doanh, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu của thị trường; đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.

3- Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;

4- Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu....) theo nhu cầu mở rộng sản xuất - kinh doanh và phù hợp các quy định của pháp luật;

5- Tổ chức bộ máy và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty.

Được quyền tuyển dụng và thuê lao động, thử việc cho nghỉ việc theo yêu cầu của sản xuất - kinh doanh và theo quy định của pháp luật về lao động. Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, đơn giá tiền lương, tiền thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động;

6- Tự chủ kinh doanh; Quyết định giá mua, bán vật tư, máy móc thiết bị, nguyên liệu, sản phẩm và các dịch vụ khác, trừ các sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá; Chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh; Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;

7- Được hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu theo quy định của nhà nước; sử dụng ngoại tệ thu được (nếu có) theo chế độ hiện hành về quản lý ngoại hối;

8- Quyết định phân phối thu nhập còn lại;

9- Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích theo quy định chung của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty;

10- Các quyền khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty:

Theo quy định của pháp luật, công ty có nghĩa vụ:

1- Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành, nghề đã đăng ký;

2- Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác; Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và chế độ quản lý tài chính khác theo quy định của Nhà nước;

3- Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

4- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, hàng hoá do Công ty thực hiện.

5- Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về công ty và tình hình tài chính của Công ty với các cơ quan quản lý theo quy định của Pháp luật; khi phát hiện các thông tin đã kê khai, báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó;

6- Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; Tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo pháp luật về công đoàn;

7- Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh;

8- Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

9- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Điều 9: Mục tiêu kinh doanh

Mục tiêu kinh doanh của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất - kinh doanh thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động; đảm bảo lợi ích của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo Luật định, thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng, Nhà nước và của địa phương; góp phần tạo ra sản phẩm cho xã hội và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội khác.

Điều 10: Ngành nghề, kinh doanh:

1- Theo quy định của pháp luật, công ty được tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành, nghề không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 6 của Luật Doanh nghiệp.

2- Khi kinh doanh các ngành, nghề mà Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định quy định phải có điều kiện, có vốn pháp định, hoặc có chứng chỉ hành nghề thì Công ty chỉ được kinh doanh các ngành, nghề đó khi có đủ các điều kiện, có đủ vốn hoặc đã được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

3- Ngành, nghề kinh doanh của công ty là:

- Xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi, xây dựng các Bến phà, bến cảng, xây dựng dân dụng công nghiệp.

- Vận tải, xếp dỡ đường thuỷ, đường bộ.

- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ.

- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: Đá, cát, sỏi, bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa nóng.v.v.

- Cho thuê kho, bến bãi, thiết bị thi công các công trình.

- Quản lý thu phí cầu An Thái.

- Quản lý vận hành, thu phí các bến phà đò, cầu phao trên địa bàn Tỉnh Hải

Dương.

Trong quá trình hoạt động, công ty có thể bổ sung hoặc thay đổi ngành nghề kinh doanh sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được cơ quan đăng ký

kinh doanh đăng ký bổ sung hoặc thay đổi ngành nghề kinh doanh theo đúng quy định của Pháp luật.

Thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện đúng các điều kiện kinh doanh theo quy định. Nếu công ty tiến hành kinh doanh mà không đủ điều kiện theo quy định thì thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kinh doanh đó.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

MỤC 1: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ GÓP CỔ PHẦN, MỆNH GIÁ CỔ PHẦN.

Điều 11: *Vốn điều lệ, cổ phần và mệnh giá cổ phần của Công ty:*

1- Vốn điều lệ là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ Công ty.

2- Tài sản do cổ đông góp để tạo thành vốn điều lệ của Công ty có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác được các sáng lập viên, hoặc Hội đồng quản trị Công ty chấp nhận theo quy định của Luật doanh nghiệp và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng.

3- Tổng số vốn điều lệ của Công ty khi thành lập là: 12.400.000.000 đồng (Mười hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 1.240.000 cổ phần (Một triệu hai trăm bốn mươi ngàn cổ phần), trong đó: Số cổ phần phổ thông: 1.240.000 cổ phần (Một triệu hai trăm bốn mươi ngàn cổ phần), trị giá: 12.400.000.000 đồng (bằng chữ: Mười hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

- Số cổ phần cổ đông sáng lập mua là: 1.240.000 cổ phần (Một triệu hai trăm bốn mươi ngàn cổ phần), trị giá: 12.400.000.000 đồng (Mười hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

Khi công ty sử dụng vốn điều lệ để mua lại cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số vốn điều lệ và số cổ phần thực tế sẽ giảm đi tương ứng.

Khi cần thêm vốn để kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định huy động vốn theo các hình thức phát hành cổ phiếu, trái phiếu; số vốn điều lệ và số cổ phần thực tế của Công ty sẽ tăng tương ứng.

4- Mệnh giá cổ phần là .10.000 đồng Việt Nam (bằng chữ: Mười ngàn đồng).

5- Việc tăng, giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.

6- Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh như:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc, trang thiết bị mở rộng cho hoạt động của Công ty;

- Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh;

- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản;

- Hoạt động kinh doanh khác theo các ngành, nghề kinh doanh của Công ty đã đăng ký.

7- Không sử dụng vốn điều lệ của Công ty để chia cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác nhưng không trái các quy định của pháp luật.

Điều 12: *Quyền sở hữu tài sản:*

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, người cam kết góp vốn vào Công ty bằng tài sản phải chuyển sở hữu tài sản góp vốn vào Công ty theo quy định sau đây:

a- Đối với tài sản có đăng ký hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho Công ty theo quy định của pháp luật;

b- Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn theo quy định của Luật doanh nghiệp và lập thành biên bản giao nhận có chữ ký của người góp vốn và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

c- Phần vốn góp bằng các tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang tên Công ty.

Điều 13: Định giá tài sản góp vốn cổ phần:

1- Tài sản góp vốn nếu không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải được định giá. Giá trị các tài sản góp vốn phải được thông qua theo nguyên tắc nhất trí.

2- Khi thành lập, toàn thể các cổ đông sáng lập công ty hoặc nhóm người được các cổ đông sáng lập phân công là người định giá. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị công ty là người định giá tài sản góp vốn.

3- Người định giá quy định tại khoản 2 điều này phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác đối với giá trị tài sản góp vốn. Trường hợp giá trị tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế của nó tại thời điểm được định giá, nếu gây thiệt hại cho người khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường.

Điều 14: Thực hiện góp vốn và cấp cổ phiếu:

1- Vốn cổ phần của cổ đông sáng lập phải được góp đủ và đúng hạn như cam kết ngay sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Cổ đông sáng lập chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần góp vào công ty đã ghi trong danh sách cổ đông sáng lập được đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Trường hợp có cổ đông sáng lập không góp đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được coi là nợ của cổ đông đó đối với Công ty và phải trả lãi với lãi suất cao nhất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm cam kết góp vốn nhưng thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày hết hạn cam kết góp vốn.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thông báo bằng văn bản về trường hợp không góp đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày hết thời hạn nói đoạn 1 khoản này; sau thời hạn này, nếu không có thông báo bằng văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh, thì cổ đông chưa có đủ vốn và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với Công ty về phần vốn chưa góp và các thiệt hại phát sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết.

2- Sau khi thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua, cổ đông được Công ty ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông và được cấp cổ phiếu nếu có yêu cầu.

Điều 15: Cổ đông sáng lập, sổ đăng ký cổ đông Công ty:

1- Cổ đông sáng lập là những cá nhân, pháp nhân có góp vốn và tham gia quá trình thành lập, thông qua điều lệ công ty khi thành lập. Công ty được hình thành từ việc cổ phần hoá DNNN là Công ty công trình giao thông Hải Dương.

2- Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay sau khi đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 60 Luật doanh nghiệp.

Công ty được thay đổi các nội dung của sổ đăng ký cổ đông nêu tại điểm a,b,c,d khoản 1 điều 60 Luật Doanh nghiệp sau khi đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn quy định tại điều 19 của Luật doanh nghiệp và điều 6 của Điều lệ này, lúc đó mới hợp lệ.

3- Tư cách cổ đông bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

a- Đã chết hoặc bị toà án tuyên bố là đã chết, mất tích;

b- Bị hạn chế hoặc mất khả năng hành vi dân sự;

c- Cổ đông là pháp nhân bị giải thể;

d- Chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác.

Trường hợp chấm dứt tư cách cổ đông theo quy định tại điểm a,b,c khoản 3 Điều này thì Công ty vẫn có quyền sử dụng tài sản tương ứng với trách nhiệm của cổ đông để thực hiện nghĩa vụ của Công ty. Trường hợp chấm dứt tư cách cổ đông theo quy định tại điểm d, khoản 3 điều này thì cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của Công ty phát sinh trước khi rút khỏi Công ty (*hoặc chuyển nhượng hết cổ phần*) và trước khi đăng ký việc chấm dứt tư cách cổ đông với Hội đồng quản trị Công ty để xoá tên trong Sổ đăng ký cổ đông.

4- Sổ đăng ký cổ đông được lưu tại trụ sở chính của Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm quản lý, bảo quản. Trường hợp thay đổi nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông đến nơi khác với trụ sở đã đăng ký thì Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI LOẠI CỔ ĐÔNG VÀ CÁC LOẠI CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 16: Quy định chung về cổ đông:

1- Cổ đông là những cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty trừ trường hợp do chào bán chứng khoán. Số cổ đông trong mọi thời điểm ít nhất là 03 cổ đông. Số cổ phần tối đa của mỗi cổ đông là cá nhân có giá trị không quá 1/3 vốn điều lệ và của pháp nhân có giá trị không quá 50% vốn điều lệ.

2- Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đầy đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

3- Người đại diện của cổ đông là pháp nhân công ty

a- Người đại diện của Cổ đông là pháp nhân: Đối với các pháp nhân, người đại diện cổ đông tại Công ty là người được người đứng đầu pháp nhân đó cử theo thủ tục quy định và có quyền tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty cổ phần nếu được Đại hội đồng cổ đông bầu và trúng cử;

b- Người đại diện nêu tại điểm a khoản 3 Điều này không được uỷ quyền lại cho người khác;

c- Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền bằng văn bản cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại công ty cổ phần;

d- Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty;

đ- Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện đủ điều kiện tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản;

e- Trong trường hợp pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ của Công ty, thì pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề liên quan đến cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện cho cổ đông là pháp nhân. Trường hợp cổ đông là pháp nhân khác thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 17: Các loại cổ phần:

1- Tại thời điểm đăng ký thành lập, Công ty có các loại cổ phần sau đây:

a- Cổ phần phổ thông:

- Số lượng cổ phần phổ thông cổ đông sáng lập đăng ký mua:

+ Số lượng: 1.240.000 cổ phần;

+ Trị giá : Mười hai tỷ bốn trăm triệu đồng;

b- Các cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định (không có).

2- Cổ phần phổ thông: Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Tổng số cổ phần phổ thông Công ty là 1.240.000 cổ phần (bằng chữ: Một triệu hai trăm bốn mươi ngàn cổ phần), trong đó: cổ phần cổ đông sáng lập mua 1.240.000 cổ phần (Một triệu hai trăm bốn mươi ngàn cổ phần). Trong quá trình hoạt động có thể phát hành, chào bán cổ phần phổ thông do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3- Cổ phần ưu đãi: số lượng từng loại cổ phần ưu đãi, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân nắm sở hữu các loại cổ phần ưu đãi nói tại khoản 1 Điều này do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4- Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5- Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Chỉ có cổ đông phổ thông mới có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội Đại hội đồng cổ đông.

6- Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7- Khi có cổ phần ưu đãi nêu tại khoản 3 điều này, Đại hội đồng cổ đông Công ty sẽ quy định cụ thể các quyền và nghĩa vụ của từng loại cổ phần ưu đãi đó.

Điều 18: Quyền của cổ đông phổ thông:

1- Theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cổ đông phổ thông có quyền:

a- Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông: Mỗi cổ phần có một biểu quyết;

b - Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c - Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ của từng cổ đông trong Công ty;

d - Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 55 và khoản 1 điều 58 của Luật doanh nghiệp;

đ - Khi Công ty giải thể được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán với chủ nợ và các cổ đông loại khác;

e - Các quyền khác quy định tại Luật doanh nghiệp vào Điều lệ Công ty;

2 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng theo sổ đăng ký cổ đông công ty có quyền:

a - Đề cử người vào hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (trừ trường hợp Đại hội cổ đông thành lập);

b - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi:

- Công ty có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính;

- Có dấu hiệu công ty thất bại trong hoạt động sản xuất - kinh doanh;

- Phát hiện lãnh đạo Công ty có dấu hiệu tham nhũng hoặc cố ý làm trái, gây thiệt hại cho Công ty;

- Các trường hợp cần thiết khác.

c- Có quyền kiến nghị vấn đề đưa và chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

d- Có quyền yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty xét thấy cần thiết;

e - Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g - Các quyền khác quy định lại luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Điều 19 : Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1 - Thanh toán đầy đủ số cổ phần đã đăng ký mua.

2 - Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3 - Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý của Công ty.

4 - Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5 - Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 20 : Cổ phiếu

1 - Chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại điều 59 của Luật doanh nghiệp.

2- Công ty cổ phần phát hành 2 loại cổ phiếu;

a - Cổ phiếu có ghi tên (ghi danh):

- Là số cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc ở mức tối thiểu phải có đủ điều kiện tham gia Hội đồng quản trị, các cổ phần ưu đãi.

- Mỗi cổ phiếu ghi danh phải ghi rõ tên, địa chỉ của pháp nhân hay họ tên, địa chỉ của cá nhân;

- Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải tuân thủ theo các quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

b - Cổ phiếu không ghi tên bao gồm:

- Cổ phần phổ thông và cổ phần của các cổ đông không phải là các đối tượng được quy định mục a khoản 2 Điều này;

- Cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng vốn điều lệ;

- Cổ phiếu ghi tên đã được chuyển nhượng, hoặc chuyển đổi theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3- Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Hội đồng quản trị Công ty quy định.

Điều 21 : Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1- Chào bán, chuyển nhượng cổ phần:

a - Cổ phần của Công ty được chào bán, chuyển nhượng theo các qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Giá bán cổ phần theo giá thị trường, không phụ thuộc vào mệnh giá cổ phiếu. Cổ đông muốn mua, bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của Công ty, trừ các trường hợp chào bán chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ đông muốn chuyển nhượng cổ phần trước tiên phải chào bán cho các cổ đông của Công ty theo tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty, nếu không có cổ đông mua thì mới chào bán cho người không phải là cổ đông theo thứ tự ưu tiên chào bán, chuyển nhượng cổ phần quy định tại khoản 6 Điều 21 của Điều lệ này. Cổ phiếu có ghi tên của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm, của cổ đông sáng lập đang trong thời hạn quy định tại điều 58 Luật Doanh nghiệp không được chuyển nhượng trừ những trường hợp đặc biệt được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận và phải tuân theo các quy định của Điều lệ này. Thời hạn xử lý chuyển nhượng cổ phần không quá 15 ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận được đề nghị, đăng ký; Trường hợp không chấp nhận cho chuyển nhượng cổ phần, thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị, đăng ký chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do cho các cổ đông. Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản lý nội bộ về việc chào bán, chuyển nhượng cổ phần quy định tại Điều này;

b- Trình tự, thủ tục về chào bán và chuyển nhượng cổ phần:

b.1- Quyền chuyển nhượng cổ phần:

- Theo trình tự, thủ tục quy định của Luật doanh nghiệp, của Điều lệ công ty và quy chế chào bán, chuyển nhượng cổ phần, cổ phần phổ thông của Công ty được chuyển nhượng tự do cho các đối tượng theo thứ tự ưu tiên và tỷ lệ quy định tại điểm a khoản 1 điều này;

- Cổ phiếu có ghi tên của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm không được chuyển nhượng, trừ những trường hợp đặc biệt được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận, phải tuân theo các quy định của Điều lệ này.

b.2- Đăng ký chuyển nhượng cổ phần:

Handwritten signatures and initials.

- Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc đăng ký chuyển nhượng cổ phần vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm, trừ trường hợp đặc biệt khác Hội đồng quản trị sẽ xem xét, giải quyết cụ thể;

- Thời hạn xử lý quyền chuyển nhượng cổ phần không quá 15 ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị nhận được đề nghị, đăng ký; Trường hợp không chấp nhận cho chuyển nhượng cổ phần, thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, đăng ký chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do cho các cổ đông;

- Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng thì ghi đúng và đủ những thông tin quy định tại điểm d khoản 1 Điều 60 của Luật doanh nghiệp vào sổ đăng ký cổ đông; Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

- Khi hoàn tất việc đăng ký chuyển nhượng cổ phần, người bán cổ phần vẫn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần. Người mua cổ phần chỉ thực hiện các quyền nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần từ khi được Hội đồng quản trị ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

b.3- Giá chào bán (chuyển nhượng) cổ phần:

- Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán (chuyển nhượng) cổ phần từng thời điểm, nhưng không được thấp hơn giá thị trường, trừ các trường hợp pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể lập Hội đồng xác định giá cổ phần để quyết định giá chào bán (chuyển nhượng);

- Giá chào bán (chuyển nhượng) cổ phần được hình thành theo nguyên tắc giá thị trường được tính trên cơ sở: giá chào bán (chuyển nhượng) cổ phần bằng giá trị vốn gốc đã góp cộng với số lãi trên vốn gốc do trượt giá, lạm phát do Nhà nước công bố ở từng thời kỳ và mức tăng trưởng của vốn điều lệ Công ty theo tỷ lệ vốn góp do lợi nhuận hàng năm mang lại;

- Giá chào bán (chuyển nhượng) cổ phần là giá mà cổ đông căn cứ vào đó để nộp thuế thu nhập theo qui định của pháp luật.

b.4- Trình tự, thủ tục đăng ký chuyển nhượng cổ phần:

- Cổ đông muốn mua bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký, niêm yết công khai và cung cấp các thông tin về giá bán cổ phần tại trụ sở chính của Công ty;

- Cổ đông muốn chuyển nhượng cổ phần trước tiên phải chào bán cho các cổ đông của Công ty theo tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông theo thứ tự ưu tiên chào bán, chuyển nhượng cổ phần quy định tại khoản 6 Điều 21 của Điều lệ Công ty;

- Khi có người đăng ký mua cổ phần, sau khi thoả thuận với nhau về giá, các bên lập hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, đồng thời người bán cổ phần phải thông báo và gửi Hội đồng quản trị Công ty 01 bản sao Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị phải thông báo cho người bán về tính phù hợp với Điều lệ Công ty của sự chuyển nhượng và hướng dẫn người bán cổ phần nộp thuế thu nhập;

- Sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, hoặc thuế thu nhập cá nhân, người bán và người mua cổ phần phải làm thủ tục đăng ký lại cổ phần tại Hội đồng quản trị;

Hồ sơ đăng ký lại cổ phần bao gồm: Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa bên bán bên mua, cổ phiếu đã cấp cho bên bán; Biên lai nộp thuế thu nhập doanh

khác); Thông báo của Hội đồng quản trị về sự phù hợp với Điều lệ Công ty của việc chuyển nhượng; Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của bên mua.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ nêu trên, Hội đồng quản trị phải đăng ký tên cổ đông mới vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty và cấp cho người mua cổ phiếu mới.

2 - Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần: Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây:

a - Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh;

b - Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

c - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc bảo lãnh. Trong trường hợp này giá chào bán không được thấp hơn giá thị trường, trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.

3- Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định tại điểm d khoản 1 Điều 60 của Luật doanh nghiệp vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4- Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.

Công ty có thể chào bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 điều 60 của Luật doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

5- Công ty chào bán cổ phần, trái phiếu theo hình thức phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Việc chào bán cổ phần, trái phiếu theo hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được thực hiện theo thoả thuận giữa Hội đồng quản trị công ty và người mua theo quy định của Điều lệ này.

6- Trừ các trường hợp chào bán chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán, trong quá trình hoạt động, khi cần huy động thêm vốn, Công ty có thể chào bán cổ phần phổ thông và các cổ phần khác do Đại hội cổ đông quyết định theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Cổ đông của công ty;
- Cán bộ công nhân viên trong công ty;
- Công dân Việt Nam ngoài công ty;
- Pháp nhân trong nước;
- Tổ chức và cá nhân nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

Điều 22: Phát hành trái phiếu

1 - Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2 - Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng trị giá trái phiếu và thời điểm phát hành.

Điều 23: Mua cổ phiếu, trái phiếu

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 24 : Thừa kế cổ phiếu

1- Trường hợp cổ đông qua đời hoặc bị toà án tuyên bố đã chết, mất tích. Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất.

- Người thừa kế duy nhất theo luật định;
- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền theo quy định của pháp luật. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

2- Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế quyền.

MUC 3: CÁC TRƯỜNG HỢP CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN YÊU CẦU
CÔNG TY MUA LẠI CỔ PHẦN

Điều 25 : Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông .

1 - Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty và quyết định khác mà cổ đông cho là xâm phạm đến quyền của mình có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình . Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ và tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định các vấn đề nói tại khoản này.

2 - Trong 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại khoản 1 điều này, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc: Giá trị vốn gốc đã góp cộng với số lãi trên vốn góp do trượt giá, lạm phát do Nhà nước công bố ở từng thời kỳ và mức tăng trưởng của vốn điều lệ công ty theo tỷ lệ vốn góp do lợi nhuận hàng năm mang lại.

Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3 - Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 26: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

1 - Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị (HĐQT) quyết định.

2 - HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Trừ trường hợp qui định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác (nếu có) HĐQT Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác, thì giá trị mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3 - Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại, hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

Điều 27 : Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1 - Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo qui định tại các điều 64 và 65 của Luật doanh nghiệp, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2 - Tất cả các cổ phần được mua lại theo qui định tại các điều 64 và 65 Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán, số cổ phần được quyền chào bán.

3 - Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo điều đó cho các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

MỤC 4- NGUYÊN TẮC TRẢ CỔ TỨC

Điều 28: Trả cổ tức

1 - Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi mỗi năm 1 lần, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

Cổ đông không tham gia sản xuất - kinh doanh được hưởng cổ tức hình thành từ nguồn lợi nhuận chung của Công ty. Cổ đông tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng cổ tức hình thành từ nguồn lợi nhuận chung của Công ty và tiền công, các khoản thu nhập khác theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2 - Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng loại cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất không quá 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời hạn và phương thức trả cổ tức.

3 - Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 29: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức .

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với qui định tại khoản 1 điều 66 của Luật doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với qui định tại khoản 1 Điều 67 của Luật doanh nghiệp thì tất cả cổ đông phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm và được coi như là khoản nợ với Công ty.

CHƯƠNG V
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, THỂ THỨC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH,
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT
TRANH CHẤP TRONG NỘI BỘ CỦA CÔNG TY

MỤC 1- CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 30 : Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty gồm có: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty.

Ngoài ra, Công ty có các đơn vị sản xuất - kinh doanh (các Xí nghiệp) trực thuộc Công ty là các đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc, được giao quyền độc lập tương đối trong quản lý sản xuất - kinh doanh, quản lý lao động, quản lý tài chính, tự chủ trong việc đảm bảo các yếu tố đầu vào, đầu ra và các quyền khác theo sự phân công của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 31 : Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

1- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Trưởng, phó phòng của Công ty, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các xí nghiệp trực thuộc Công ty hoặc các chức vụ tương đương, các cán bộ quản lý khác của Công ty do Hội đồng quản trị quy định, trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

a- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, tận tâm vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty;

b- Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác. Không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c- Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

- Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;

- Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;

- Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ qui định tại các điểm a và b khoản này;

- Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;

d- Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2- Ngoài các quy định tại Điều này, Trưởng, phó phòng của Công ty, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các xí nghiệp trực thuộc Công ty hoặc các chức vụ tương đương, các cán bộ quản lý khác của Công ty còn phải thực hiện các quy định do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Điều 32: Công khai hoá lợi ích có liên quan của người quản lý Công ty

1- Người quản lý Công ty phải kê khai:

- Doanh nghiệp, gồm tên doanh nghiệp, trụ sở chính, sổ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó bản thân họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

Người phải kê khai theo quy định tại khoản này phải kê khai bổ sung, thay đổi nếu có trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày bổ sung, thay đổi thông tin đã kê khai có hiệu lực.

2- Các bản kê khai quy định tại khoản 1 điều này được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, giám đốc đều có quyền xem nội dung kê khai bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết.

MỤC 2: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 33: Đại hội đồng cổ đông

1- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2- Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán cho từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

b- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty;

d- Quyết định tổ chức quản lý của Công ty, tổ chức lại và giải thể Công ty;

đ- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;

e- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.;

g- Thông qua định hướng phát triển, phương án sản xuất kinh doanh của Công ty; Quyết định phương án đầu tư, bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, hoặc quyết định bán số tài sản có giá trị như quy định tại khoản a Điều 54 của Điều lệ này;

h- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

i- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3- Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị, ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 18 điều lệ này. Đại hội đồng cổ đông bất thường có nhiệm vụ và quyền hạn sau: Nghị quyết quyết định xử lý các vấn đề bất thường; Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát vi phạm Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty; biểu quyết sửa đổi bổ sung Điều lệ, xử lý các vấn đề khẩn cấp khác thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp lệ theo quy định tại điều 39 Điều lệ này chỉ xem xét, đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội không quá 02 (hai) lần trong một năm về một vấn đề.

Điều 34: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

1- Đại hội đồng cổ đông họp thường niên một năm một lần.

2- Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp:

a- Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

b- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 18 điều lệ này hoặc của Ban kiểm soát trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 86 của Luật doanh nghiệp, hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 18 Điều lệ này yêu cầu thì yêu cầu phải bằng văn bản và phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính hoặc tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của cổ đông;
- Số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty;
- Các hành vi vi phạm và các nghĩa vụ cụ thể mà Hội đồng quản trị đã vi phạm, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền; kiến nghị các vấn đề cần giải quyết.

Kèm theo yêu cầu cần phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

3- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 18 Điều lệ này có yêu cầu quy định tại điểm b khoản 2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.

4- Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu xác định thời gian và địa điểm họp, gửi mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 35: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1- Chỉ có cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông mới có quyền dự họp, có quyền biểu quyết, có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các cổ phần ưu đãi khác không có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, không có quyền biểu quyết, không có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

2- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân, tên trụ sở đối với tổ chức, số lượng cổ phần có quyền dự họp.

3- Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này có quyền xem xét danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

5- Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

1- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.

2- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 18 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 3 ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần dự họp của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c- Những trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 37: Mời họp Đại hội đồng cổ đông.

1- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

2- Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu tham luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

Điều 38: Dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1- Cổ đông có quyền họp quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc uỷ nhiệm cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp uỷ nhiệm cho người khác dự họp, thì người được uỷ nhiệm phải xuất trình giấy uỷ nhiệm và cổ phiếu cho chủ toạ trước khi khai mạc. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết có niêm phong đến công ty trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông được coi là dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2- Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 39: Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất nêu tại khoản 1 điều này không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì tiến hành triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 30% số cổ phần biểu quyết.

3- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp

này, thì cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông luôn được tiến hành, không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện.

4- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp theo quy định tại khoản 2 điều 74 Luật doanh nghiệp.

5- Khi tiến hành Đại hội, người chủ toạ Đại hội đồng cổ đông phải kiểm tra, xác nhận tư cách cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện (có ghi số cổ phần biểu quyết).

Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan tại Đại hội.

Điều 40: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

1- Đại hội cổ đông có quyền thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2- Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, thì thực hiện theo quyết định sau đây:

a- Các quyết định sau đây được thông qua khi được số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:

- Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Quyết định tổ chức lại Công ty;
- Quyết định giải thể công ty;
- Quyết định bán tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.

b- Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

c- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

3- Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận.

4- Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thì Hội đồng quản trị phải làm các công việc sau đây:

- a- Quyết định các vấn đề lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến;
- b- Nội dung phiếu lấy ý kiến ít nhất có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; mục đích lấy ý kiến; vấn đề cần lấy ý kiến và đầu đề các tài liệu tương ứng được gửi kèm; thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty; phương án biểu quyết "nhất trí", "không nhất trí" "không có ý kiến";

c- Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự Đại hội đồng cổ đông;

d- Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu; thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại

hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông phải gửi ý kiến của họ về Công ty.

Điều 41: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Điều 78 Luật doanh nghiệp.

2- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 42: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát, cổ đông và nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 điều 18 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

- Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

MUC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43: Hội đồng quản trị:

1- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2- Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a- Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;

b- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán từng loại. Quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

d- Quyết định phương án đầu tư, các dự án phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty; duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán các công trình đầu tư đã thông qua Đại hội đồng cổ đông;

đ- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, hoặc quyết định bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn tỷ lệ quy định tại Điều 33, hoặc Điều 54 của Điều lệ này;

e- Bổ nhiệm, giám sát hoạt động, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, phó giám đốc kế toán trưởng, duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc theo đề nghị của Giám đốc; quyết định mức lương lợi ích khác của cán bộ quản lý đó; đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị;

g- Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành (Phòng và tương đương); ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty, quy chế quản lý cán bộ; quyết định thành lập công ty con, các xí nghiệp, phân xưởng, trạm trực thuộc Công ty, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác;

h- Trình lên Đại hội đồng cổ đông: Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích

lập các quỹ và cách thức sử dụng các quỹ theo quy định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Điều lệ này;

i- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc phương án xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

l- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m- Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;

n- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kế hoạch huy động vốn của Công ty; Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

o- Ban hành, giám sát thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật, mức thu chi tài chính của công ty;

p- Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát việc điều hành của Giám đốc và các chức danh do Hội đồng quản trị trực tiếp quản lý;

q- Quyết định về quy chế tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty;

r- Xem xét, quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi tên theo quy định tại Điều lệ này;

t- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3- Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thư tín, qua Fax. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Trường hợp thông qua quyết định bằng hỏi ý kiến thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát phải lập biên bản về số thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến trả lời và bảo quản các văn bản, thư tín, Fax theo quy định của pháp luật về lưu trữ, bảo quản tài liệu của Công ty cổ phần.

4- Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị được trúng cử với đa số phiếu tính theo số cổ phần bằng thể thức bỏ phiếu kín. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch và các uỷ viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không bầu Hội đồng quản trị theo đúng nhiệm kỳ trên thì Hội đồng quản trị đã được bầu ở nhiệm kỳ trước mặc nhiên tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị mới. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại.

Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và 01 uỷ viên thường trực do Hội đồng quản trị cử, có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày theo thẩm quyền.

5- Thành viên Hội đồng quản trị hưởng phụ cấp do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng nhiệm kỳ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo khuyến khích nâng cao hiệu quả quản lý. Trong đó cụ thể: Chủ tịch là hệ số 1 của mức lương tối thiểu; Thành viên hệ số 0,7 của mức lương tối thiểu. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

Điều 44: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ tiêu chuẩn sau:

1- Là Cổ đông nắm giữ số cổ phần từ 0,35% vốn điều lệ trở lên hoặc là đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần ít nhất 2,5% vốn điều lệ trở lên. Thành viên Hội đồng quản trị là người có quốc tịch Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải nắm giữ số cổ phần từ 0,35% vốn điều lệ trở lên.

2- Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty.

3- Có trình độ Đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; có đủ sức khoẻ đảm đương công việc, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết luật pháp.

Điều 45: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị:

1- Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm giám đốc Công ty.

2- Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động Hội đồng quản trị;

b- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; tổ chức thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;

d- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

đ- Tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị đúng pháp luật và Điều lệ này. Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện và kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty;

e- Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

f- Ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt;

g- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một trong số họ tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị trước đây đảm nhận lại chức vụ. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

4- Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

b- Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ các tài liệu của Công ty liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ được phân công;

c- Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công;

d- Thực hiện Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị;

e- Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện cho cổ đông là pháp nhân phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp nhân đó về thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 46: Cuộc họp của Hội đồng quản trị:

1- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị:

a- Mỗi quý phải họp ít nhất 1 lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị hoặc của giám đốc Công ty;

b- Theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc những người khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

2- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên tham dự. Thành viên vắng mặt có thể uỷ quyền bằng văn bản gửi đến trước phiên họp. Mỗi thành viên chỉ được đại diện cho một thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3- Thủ tục triệu tập và tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị do quy chế quản lý nội bộ công ty quyết định.

4- Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản, có đủ các nội dung chủ yếu quy định tại điều 25 Nghị định số 125/2004/NĐ -CP ngày 19/5/2004 của Chính phủ và có chữ ký của tất cả các thành viên dự họp. Chủ toạ và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến thì phải kèm theo tài liệu chứng minh (văn bản, thư tín, Fax...) việc thông qua quyết định theo quy định tại Điều lệ này.

5- Hội đồng quản trị họp để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Trường hợp nội dung cuộc họp liên quan đến các ngành chức năng như các dự án đầu tư lớn, các dự án liên doanh với nước ngoài thì phải mời các Ngành có liên quan đến; Nếu liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động thì phải mời đại diện của công đoàn đến dự. Đại biểu không phải thành viên Hội đồng quản trị được mời dự họp chỉ được tham gia phát biểu ý kiến, không có quyền biểu quyết.

Điều 47: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.

1- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu giám đốc, phó giám đốc, cán bộ quản lý khác trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2- Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 48: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

1- Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a- Đã chết hoặc bị toà án tuyên bố là đã chết, mất tích;
- b- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c- Cổ đông pháp nhân bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
- d- Cá nhân mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân; Hoặc đại diện cho pháp nhân không còn vốn cổ phần trong vốn điều lệ Công ty;
- đ- Từ chức;
- e- Tự ý thoái thác nhiệm vụ, hoặc bỏ nhiệm sở 5 ngày trong một tháng, hoặc 10 ngày trong một năm mà không được Hội đồng quản trị chấp nhận (áp dụng đối với thành viên kiêm nhiệm việc điều hành sản xuất kinh doanh trực tiếp tại Công ty);
- f- Không hoàn thành nhiệm vụ 3 năm liên;
- g- Thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 Luật doanh nghiệp, Điều 17 Pháp lệnh cán bộ công chức, Điều 13 Pháp lệnh chống tham nhũng, hoặc đã từng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp đã bị phá sản;
- h- Các trường hợp khác do pháp luật quy định, không được tham gia Hội đồng quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2- Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hoặc các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc bản đề nghị, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

3- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Thành viên Hội đồng quản trị cử người thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi Đại hội gần nhất.

4- Khi mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị không được tiếp tục thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của mình để chờ Đại hội đồng cổ đông quyết định bãi nhiệm.

5- Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6- Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm. và bãi nhiệm.

MỤC 4: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 49: Người đại diện theo pháp luật:

Giám đốc điều hành công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của công ty vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình hoặc bị Toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu,

làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật, hoặc từ bỏ việc điều hành Công ty thì trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ thời điểm nêu trên, Hội đồng quản trị phải cử người thay thế và báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Quá hạn trên, Công ty sẽ bị xem xét, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm giải quyết các tồn tại của Công ty.

MUC 5: GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 50: Giám đốc Công ty:

1- Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc giám đốc có các phó giám đốc và kế toán trưởng. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Phó giám đốc, kế toán trưởng do Giám đốc quy định phù hợp với các quy định của pháp luật.

2- Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc Công ty.

Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:

- Có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn phù hợp do Đại hội cổ đông quy định, có đủ sức khỏe đảm đương công việc, có trình độ quản lý kinh doanh, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật;

- Không thuộc các đối tượng cấm tham gia quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật doanh nghiệp;

- Không thuộc đối tượng quy định tại điều 17 Pháp lệnh cán bộ công chức, Điều 13 Pháp lệnh chống tham nhũng, hoặc đã từng là thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc của doanh nghiệp đã bị phá sản.

3- Giám đốc có quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a- Điều hành mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty theo pháp luật Điều lệ Công ty, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng cổ đông và quyết định của Công ty; quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty ;

- b- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- c- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

- d- Lựa chọn và đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức phó giám đốc và kế toán trưởng công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong công ty, trừ các chức danh do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;

- đ- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm giám đốc;

- e- Tuyển dụng, kỷ luật, cho thôi việc đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền sau khi được Hội đồng quản trị thông qua;

- g- Được hưởng lương theo quy định của Hội đồng quản trị; Ngoài tiền lương đối với Giám đốc ra, nếu giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị thì còn được hưởng thêm phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị.

- h- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

4- Từ nhiệm: Giám đốc muốn từ nhiệm thì phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong thời gian chờ Hội đồng quản trị quyết định miễn nhiệm, Giám đốc cũ phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đó.

5- Đương nhiên mất tư cách:

a- Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích;
- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Tự ý thoái thác nhiệm vụ mà không được Hội đồng quản trị chấp nhận;
- Vi phạm các điều cấm đảm nhận chức vụ giám đốc do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác quy định;

- Không đủ tiêu chuẩn khác quy định tại điểm 2 Điều này;

b- Trường hợp giám đốc bị mất tư cách, trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ khi xảy ra trường hợp quy định tại điểm a của khoản này, Hội đồng quản trị phải xác định trách nhiệm của giám đốc cũ và quyết định cách chức giám đốc, bổ nhiệm người khác để thay thế.

MUC 6: BAN KIỂM SOÁT

Điều 51: Ban kiểm soát và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

1- Ban kiểm soát có 3 thành viên, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, trong đó ít nhất phải có 01 thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm trưởng ban; trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát là 5 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không bầu Ban kiểm soát theo đúng nhiệm kỳ trên thì Ban kiểm soát đã được bầu ở nhiệm kỳ trước mặc nhiên tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban kiểm soát mới.

Cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông là pháp nhân nắm giữ số cổ phần có quyền dự họp từ 0,2% vốn điều lệ trở lên được quyền ứng cử vào Ban kiểm soát.

Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ. Chế độ làm việc cho thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định khi bầu Ban kiểm sát, hoặc do Trưởng ban kiểm soát quy định sau khi thống nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2- Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, phân công các kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc.

3- Ban kiểm soát và mỗi kiểm soát viên, dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng ban kiểm soát, có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;

b- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần

thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 18 Điều lệ này;

Kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 điều 18 Điều lệ này trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Yêu cầu cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải bằng văn bản và phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, trụ sở chính hoặc tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của cổ đông;
- Số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhân, cả nhóm và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty;
- Vấn đề cần kiểm tra.

Sau khi kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu; thông báo phải nêu rõ tính hợp pháp, hợp lý và sai sót, kiến nghị giải pháp tương ứng khắc phục nếu có trong vấn đề được kiểm tra; báo cáo tất cả cổ đông biết tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

c- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

d- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

đ- Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

e- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Việc kiểm tra quy định tại các điểm a và b khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

4- Kiểm soát viên hưởng phụ cấp theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo từng nhiệm kỳ, trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo khuyến khích nâng cao hiệu quả quản lý. Trong đó Trưởng Ban kiểm soát hệ số 0,7 của mức lương tối thiểu; Thành viên hệ số 0,5 của mức lương tối thiểu. Chi phí cho hoạt động của kiểm soát viên được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

5- Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

6- Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

Điều 52: Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.

Điều 53: Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát:

1- Thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, kế toán trưởng của Công ty hay của các xí nghiệp, cũng không thể là người có liên quan, là vợ, chồng, hoặc người thân trực hệ 3 đời của các thành viên nêu trên.

2- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của Pháp luật.

MUC 7: MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 54: *Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.*

1- Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 25% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo quy định sau đây:

a- Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc người đại diện cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;

b- Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

2- Trường hợp hợp đồng qui định tại khoản 1 Điều này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường.

Điều 55: *Công khai thông tin về Công ty cổ phần:*

1- Trong thời hạn 45 ngày của quý và 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính đã được Hội đồng quản trị thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh và người đại diện vốn Nhà nước.

2- Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

3- Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần tại cơ quan đăng ký kinh doanh và phải trả phí.

Điều 56: *Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty cổ phần:*

1- Công ty cổ phần phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a- Điều lệ Công ty, Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ của công ty, sổ đăng ký cổ đông;

b- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;

c- Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

d- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định đã được thông qua;

đ- Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;



e- Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

g- Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

h- Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2- Công ty cổ phần phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 57: Hạch toán.

1- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

2- Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng Pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành.

3- Cuối mỗi niên độ kế toán, Hội đồng quản trị xem xét thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông;

a- Bảng cân đối kế toán của Công ty;

b- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

c- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

d- Thuyết minh báo cáo tài chính;

đ- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ;

e- Các báo cáo khác khi cần thiết;

Các bảng báo cáo này phải được gửi trước đến các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít nhất là 15 ngày, trước ngày Đại hội khai mạc.

4- Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua, các văn bản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty theo luật định.

Điều 58: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ.

1- Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:

- Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập của Công ty - Tổng chi phí của Công ty

- Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - thuế

2- Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ:

a- Quỹ dự trữ bắt buộc: 5% lợi nhuận ròng để dự trữ tài chính, cho đến mức bằng 20% vốn điều lệ.

b- Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông.

- Quỹ khen thưởng: 10% lợi nhuận ròng

- Quỹ phúc lợi: 03 % lợi nhuận ròng

30
Đ N
Ổ I
RINH
I E
TNG

- Ngoài các quỹ trên, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Công ty trích một phần lợi nhuận ròng để bổ sung vào vốn điều lệ; mức trích cụ thể do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

c- Số lợi nhuận ròng còn lại sau khi trích các quỹ nêu tại điểm a,b khoản này: Được chia cho các cổ đông theo số cổ phần (trả cổ tức). Tùy tình hình kinh doanh cho phép, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng trước cổ tức cho các cổ đông.

3- Các quỹ không hình thành bằng lợi nhuận:

- Quỹ bảo hành sản phẩm;
- Quỹ khấu hao tài sản cố định;
- Các quỹ khác.

4- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

Điều 59: Xử lý kinh doanh thua lỗ:

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp.

1- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ

2- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

CHƯƠNG VII

GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG

Điều 60: Các trường hợp giải thể, phá sản doanh nghiệp:

1- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn.

2- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 6 tháng liên tục.

4- Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5- Bị mất khả năng thanh toán, phải phá sản theo luật Phá sản.

Điều 61: Thủ tục giải thể doanh nghiệp.

1- Việc giải thể Công ty được thực hiện theo quy định sau đây:

a- Thông qua quyết định giải thể Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Quyết định giải thể Công ty có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 1 Điều 112 Luật doanh nghiệp;

b- Thành lập Tổ thanh lý tài sản để thay thế Hội đồng quản trị cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành;

c- Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, công ty gửi quyết định giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty; niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở chính của Công ty và đăng báo địa phương hoặc báo

theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Trong thông báo có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ;

d- Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp;

đ- Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của doanh nghiệp, tổ thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

2- Trong thời gian thanh lý, Tổ thanh lý tài sản và Kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi thấy cần thiết.

3- Trường hợp Doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải giải thể trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại Điều này.

Điều 62: Tổ tụng, tranh chấp:

1- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người đại diện của công ty trước pháp luật và có thể uỷ quyền cho giám đốc tham gia trong mọi giai đoạn tranh tụng.

2- Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan nhà nước theo quy định hiện hành.

3- Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đến Hội đồng quản trị để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình, đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ cổ đông nào trong Công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị không giải quyết được thì các cổ đông có thể tự mình hoặc cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 63: Thời điểm hoạt động của Công ty:

Công ty được chính thức hoạt động khi đã làm các thủ tục sau đây.

- Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước hoặc có công ty tài chính bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại;

- Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cử giám đốc điều hành;

- Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ này;

- Đã giao quyền quản trị công ty cho Hội đồng quản trị;

- Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo pháp luật hiện hành.

Điều 64: Áp dụng các điều khoản của Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp pháp luật có quy định trái với nội dung các điều, khoản Điều lệ này thì Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật.

Điều 65: Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ không được trái với quy định hiện hành của Nhà nước, phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được xác nhận tại cơ quan

Điều 66: Quản lý và sử dụng con dấu:

1- Khi thực hiện nhiệm vụ của mình, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc đóng dấu Công ty. Mọi văn bản, chứng từ có đóng dấu nhưng không có chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hoặc người được họ uỷ quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật đều không có giá trị pháp lý mà chỉ có giá trị tham khảo.

2- Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 67: Điều khoản cuối cùng:

Điều lệ này gồm 8 chương 67 điều đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần công trình giao thông Hải Dương thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2005 và có giá trị từ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Điều lệ gốc (Điều lệ chính thức) của Công ty được lưu tại cơ quan đăng ký kinh doanh và trụ sở chính của Công ty. Người đại diện theo pháp luật và tất cả các Cổ đông sáng lập Công ty cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung, chữ ký trong Điều lệ này.

Các bản trích hoặc bản sao Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Xác nhận các nội dung và chữ ký trong Điều lệ này là chính xác, trung thực, nếu sai tôi sẽ tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật./.

Hải Dương, ngày 24 tháng 12 năm 2005

(Ký và ghi rõ họ tên)

MURAC

Nguyễn Tài Khanh

NK

Sham Thị Ngẫu

Ng Hoàng Tuấn

phạm văn Chính

Đo Văn Sơn

Nguyễn Đức Thuận

Nguyễn Đức Thuận

TĐ

Nguyễn Đức Thuận

Phạm Văn Mạnh

Phạm Văn Mạnh

TRÍCH NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty đến 2019

Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/12/2005. Điều lệ được bổ sung, sửa đổi tại các kỳ Đại hội Đồng cổ đông Công ty như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 30/03/2011 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2011; nội dung sửa đổi như sau: “Sửa khoản 04 điều 43 (HĐQT gồm 7 thành viên) thành (HĐQT tối thiểu có 05 thành viên)”; “sửa khoản 01 điều 51 (BKS có 03 thành viên) thành (BKS tối thiểu có 03 thành viên”.

Lần thứ hai: Ngày 29/05/2013 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2013; nội dung đổi như sau:

* “Sửa đổi khoản 1 điều 44 (Thành viên HĐQT phải là người có đủ tiêu chuẩn sau): Là cổ đông nắm giữ số cổ phần tối thiểu sao cho tổng số cổ phần của các thành viên HĐQT (không kể đại diện phần vốn Nhà Nước) nắm giữ đạt trên 10% vốn Điều lệ (số cổ phần của mỗi thành viên bằng 10% vốn Điều lệ chia cho số thành viên thực tế nêu trên) hoặc đại diện nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần ít nhất bằng 5% vốn Điều lệ. Thành viên HĐQT là người có quốc tịch Việt Nam. Chủ tịch HĐQT phải nắm giữ số cổ phần từ 2% vốn Điều lệ trở lên”.

* “Sửa đổi bổ sung vào khoản 2 điều 50: Tiêu chuẩn lựa chọn giám đốc Công ty là thành viên HĐQT Công ty ...”

* “Sửa đổi bổ sung khoản 1, ý 2 điều 51: cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông là pháp nhân nắm giữ số cổ phần có quyền dự họp từ 0,5% vốn Điều lệ trở lên, đại diện nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền dự họp từ 2% vốn Điều lệ trở lên có quyền ứng cử vào Ban kiểm soát”.

Lần thứ ba: Ngày 06/5/2014 tại Đại hội Đồng cổ đông Công ty năm 2014 nội dung sửa đổi như sau:

* Khoản 05 điều 43: “Thành viên HĐQT hưởng phụ cấp do Đại hội Đồng cổ đông quyết định theo từng nhiệm kỳ, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch HĐQT căn cứ vào kết quả SXKD và đảm bảo khuyến khích nâng cao hiệu quả quản lý; phụ cấp lương của Chủ tịch HĐQT hệ số 1, thành viên HĐQT hệ số 0,7. Mọi chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí quản lý của Công ty”.



* Khoản 04 điều 51: “Kiểm soát viên hưởng phụ cấp theo quyết định của Đại hội Đồng cổ đông theo nhiệm kỳ, căn cứ kết quả SXKD và đảm bảo khuyến khích nâng cao hiệu quả quản lý; phụ cấp lương của Trưởng ban kiểm soát hệ số 0,7; Thành viên Ban kiểm soát hệ số 0,5. Chi phí cho hoạt động của kiểm soát viên được hạch toán vào chi phí quản lý Công ty”.

* “Phụ cấp lương của HĐQT và BKS được tính bằng 5% tổng quỹ lương thực hiện toàn Công ty”.

Ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung trên, các nội dung còn lại của Điều lệ Công ty CP Công trình giao thông Hải Dương vẫn tuân thủ theo đúng Điều lệ thành lập Công ty ngày 24/12/2005.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN ĐỨC THẮNG**



